

NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÙ KÊ – DI SẢN VĂN HOÁ ĐỘC ĐÁO CỦA DÂN TỘC KHMER NAM BỘ

Sang Sết¹

Tóm tắt

Bài viết trình bày một số vấn đề về sự hình thành, phát triển, phương hướng bảo tồn, phát huy nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ, một di sản văn hóa độc đáo của dân tộc Khmer Nam Bộ.

Từ khoá: Nghệ thuật sân khấu Dù kê, kịch mặt nạ Rô băm Khmer, sân khấu dân gian; sự hình thành, bảo tồn phát huy gắn với học thuật và du lịch.

Abstract

This paper focuses on the shape, developing, some suggestion for improving Du ke Khmer stage artists in Mekong delta, a unique national cultural heritage of the Southern Khmer.

Key words: Du ke Khmer stage artists, Khmer Ro bam mask drama, folk drama, the formation, conserving and improving folk drama associated with academic and tourism.

DẪN NHẬP

Dân tộc Khmer là một trong những dân tộc ít người có số dân cao trong cộng đồng người Việt Nam. Ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long người Khmer, người Kinh, người Hoa từ lâu đời đã sống chung với nhau cùng một vùng đất và có sự giao thoa văn hóa.

Người Khmer Nam Bộ có quá trình khai khẩn đất hoang thuộc hạ lưu dòng sông Mê Kông và có quá trình xây dựng cuộc sống có hệ số thời gian lâu dài. Dân tộc Khmer đã sáng tạo ra được một kho tàng văn học dân gian vô cùng phong phú, trong đó nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù kê - là di sản văn hoá nằm trong nền nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam.

1. Sự hình thành

1.1. Nguồn gốc

Kịch hát Dù kê là di sản văn hóa tốt đẹp của cộng đồng người Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hay còn gọi là vùng sông Ba Sắc. Nghệ thuật sân khấu Dù kê ra đời muộn hơn nghệ thuật sân khấu múa Rô băm, sân khấu múa hát Dù kê về thời điểm và nơi xuất thân của loại hình nghệ thuật sân khấu này. Thông qua các công trình tìm hiểu đã được các nhà nghiên cứu nhất trí là nó ra đời trước năm 1920 và phát triển trong khoảng thập niên (1920 -1930) của thế kỷ XX; nhưng việc xác định niên đại và nguồn gốc của nó lại khác nhau. Đại để có ba ý kiến như sau:

Một là, tiền thân của nghệ thuật sân khấu Dù kê là Lkhôn Trong Khlôôc (kịch giàn bầu) ra đời vào khoảng (1910 - 1920) do À Kê sáng lập ra ở Trà Vinh².

Hai là, vào khoảng năm (1915-1920) tại ấp Lộ Sỏi, xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, có vợ chồng ông bà Thanh Danh, một gia đình trí thức tiểu tư sản thời đó đứng ra thành lập gánh hát Dù kê, mà bà con đặt tên cho là gánh Dù kê “Thanh Danh ” tức là lấy tên của ông bà ấy làm tên của gánh hát³.

Ba là, nghệ thuật sân khấu Dù kê ra đời vào khoảng năm 1921, sau nghệ thuật sân khấu Cải lương vài năm, địa điểm ở Trà Vinh, thầy tổ của Đoàn Dù kê là Cru Cru⁴.

Hiện nay, nhiều người khẳng định nghệ thuật sân khấu Dù kê xuất phát từ Trà Vinh, do ông “Kim Súa” sáng lập trong khoảng thời gian (1915 - 1920).

Nói chung, các ý kiến trên đều xuất phát từ ký ức của từng cá nhân riêng lẻ, chưa được xem xét tường tận và có căn cứ cần thiết để có một kết luận khoa học.

² Theo ông Kim Hoà (1901 - 1976) là võ sư dạy võ đạo Dù kê, quê ở ấp Lò Ngò, xã Hiếu Từ, Tiểu Cần, Trà Vinh, thời niên thiếu ông đã từng tham gia kịch giàn bầu do À Kê sáng lập này. Phòng văn và ghi chép 1975.

³ Theo ông Thạch Thanh, sinh năm 1937 là nghệ sĩ, đạo diễn Dù kê ở ấp Bà Giam, xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Phòng văn và ghi chép 1982.

⁴ Theo ông Thạch Voi, xem Đặng Vũ Thị Thảo, Sân khấu người Khmer ở ĐBSCL, T. 291, NXB Hậu Giang 1987.

¹ Chuyên viên cao cấp - Nguyên .P.Giám đốc Đài PTTH Trà Vinh.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đi vào nghiên cứu nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù kê và sự chuyển mình của nó từ “*nghệ thuật vị nghệ thuật*” trở thành “*nghệ thuật vị nhân sinh*” trong suốt thời gian gần 100 năm qua.

Nghệ thuật sân khấu Dù kê ra đời là do nhu cầu cảm thụ nghệ thuật của đồng bào Khmer ở những đầu năm của thế kỷ XX, giống như nghệ thuật sân khấu Hát bội của người Kinh khi không còn thu hút được khán giả thì cho ra đời nghệ thuật sân khấu Cải lương... Và nghệ thuật sân khấu Rô băm, khi mà tuồng tích và cách diễn xuất của nó không còn đáp ứng trọn vẹn theo nhu cầu cảm thụ nghệ thuật của đồng bào Khmer nữa thì nghệ thuật sân khấu Dù kê cũng ra đời. Vậy Dù kê là gì? Ý nghĩa của nó ra sao? Vì rằng trong bộ Từ điển tiếng Việt và bộ Từ điển tiếng Khmer đều hoàn toàn không có hai từ “Dù kê” này!

Theo ông Kim Hoà⁵ cho biết: Đứa trẻ mà hát hay, múa giỏi nhất và dẫn đầu đám trẻ con múa hát ở dưới giàn bầu kia, quê ở Phnô Đông (Hiếu Tử), có tên là “Kê”. Do khán giả kéo nhau đến xem đám múa hát trẻ con đó ngày càng đông và cứ rủ nhau rằng đi coi “*À KÊ*”. “*À*” trong tiếng Khmer ở đây có nghĩa là “*Thằng*”, “*À KÊ*” tức “*Thằng Kê*”. Theo thói quen của người Khmer hễ bất cứ những người nghệ sĩ nào đó có tài danh nhất đứng ở trên sân khấu, thông thường họ gọi bằng “*À*” (thằng). Cụ thể như: À Kê, À Day, À Sà Muth, À Săng Sà Run, À Sa Lauth... chẳng hạn.

Tiếng tăm của đội múa hát thiếu nhi ngày càng đồn xa, lời cuốn cả khán giả người Kinh cũng đến xem, bà con người Kinh rất khó mà gọi tiếng “*À KÊ*”, hơn nữa nó không phù hợp với thói quen của mình và trong đó có múa, nên họ gọi là “*Vũ Kê*” (tức là múa của thằng Kê) và cứ rủ nhau đi coi “*Vũ Kê*”. Theo âm đọc tiếng Việt ở Nam Bộ thì chữ “*V*” và “*D*” đều phát âm giống nhau “*D*” (dờ). Như vậy, “*Vũ Kê*” trở thành “*Dũ Kê*”. Tiếng “*Dũ Kê*” nghe cũng hay hay và có vẻ lịch sự hơn, vì đã lược bỏ được tiếng “*À*” (thằng). Sau này bà con Khmer, Hoa cũng như Kinh, mỗi lần đi xem múa hát thiếu nhi thì cứ rủ nhau đi coi “*Dũ Kê*”. Đối với dân tộc Khmer chữ “*Dũ*” trong “*Dũ Kê*” rất khó mà phát âm đúng theo thanh “~” (ngã) nên họ

chỉ nói được là “*Du ke*” hơi có thanh “ø” (huyền) trên chữ “*Du*”. Vì cùng sống, quan hệ và sinh hoạt chung với nhau, nên tiếng địa phương giữa người Khmer, Hoa cũng như Kinh có ảnh hưởng lẫn nhau. Từ đó, tiếng “*Dũ Kê*” đã trở thành “*Dù kê*” mãi cho đến ngày hôm nay. Như vậy hai từ “*Dù kê*” là kết quả giao lưu văn hoá giữa tiếng Việt và tiếng Khmer; có nghĩa là múa của thằng *Kê*, có nguồn gốc từ xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Theo ngữ văn Khmer, viết là “*ឃុំ ក៏*” (*DUR-KÊRTI*) khử bỏ chữ TI, còn lại *DUR-KÊR* đọc là “*Dù kê*”, có nghĩa là: Di sản đã có từ lâu hoặc tên “*Kê*” nổi tiếng từ lâu.

Nghệ thuật sân khấu *Dù kê* là kết quả do sự phấn đấu không biết mệt mỏi trong hoạt động, yêu lao động, yêu nghệ thuật dân tộc và yêu ca hát của người Khmer đã nhào nặn từ **Lkhôn Trong Khlôoc** (kịch giàn bầu) tạo thành.

Nếu như ở nghệ thuật sân khấu Rô băm, nhân vật phản diện và các loài thú đều đeo mặt nạ; thì ở nghệ thuật sân khấu Dù kê các nhân vật phản diện và các loài thú được hóa trang, đối thoại và ca hát trực tiếp, chứ không gò bó như ở nghệ thuật sân khấu Rô băm. Trong mỗi vở diễn của nghệ thuật sân khấu Dù kê đều có màn, cảnh, lớp, hồi từ đầu chí cuối một cách tuần tự theo không gian và thời gian nhất định; còn ở nghệ thuật sân khấu Rô băm vở diễn có thể kéo dài lê thê và chỉ dừng lại khi kết thúc một đoạn tương đối hoàn chỉnh tức “**Chính nghĩa thắng hung tàn**”. Cốt truyện thường dựa theo bản anh hùng ca RAMAYANA của Ấn Độ hay Ream kê Khmer, các hình ảnh điêu khắc trên đền Ăng Kor hoặc trên các bức tranh vẽ trong các nhà chùa của dân tộc Khmer Nam Bộ.

Nghệ thuật sân khấu Rô băm khi chuyển sang nghệ thuật sân khấu Dù kê, các vở diễn được biên soạn và dàn dựng theo màn, cảnh, hồi, lớp tiến triển theo hành động kịch.

1.2. Về đề tài cốt truyện

Lúc đầu, nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù kê ngoài trình diễn theo các truyện Ream kê, Chea Đóc (tích Phật) cùng một số truyện cổ, dân gian, thần thoại còn dung nạp thêm một số truyện của Trung Quốc.

1.3. Về ca nhạc

Nghệ thuật sân khấu Dù kê là loại kịch hát nên các soạn giả viết lời thường dựa theo những bản

⁵ Kim Hoà (1901-1976) là võ sư dạy võ đạo Dù Kê, quê ở ấp Lò Ngò, xã Hiếu Tử, Tiểu Cần, Trà Vinh, thời niên thiếu ông đã từng tham gia kịch giàn bầu do À Kê sáng lập này. Phòng văn và ghi chép 1975.

nhạc dân gian có sẵn phù hợp với sắc thái tình cảm và tình huống kịch. Nhạc lồng bản của nghệ thuật sân khấu Dù kê có bốn giai điệu chính bắt nguồn từ nghệ thuật sân khấu Chòm Riêng Chà Pây (đòn ca). Bốn giai điệu đó là:

SOM PÔÔNG: Dùng để diễn tả cảnh vật, thiên nhiên.

LÔÔM: Dùng để diễn tả tâm trạng yêu đương, tỏ tình, năn nỉ.

PHÁT CHEAI: Dùng để miêu tả về tính cách nổi giận, đấu tranh.

NÔKÔR REACH: Dùng để diễn tả tâm trạng đau khổ, ly biệt.

Bốn giai điệu chính của ca kịch Dù kê này tương ứng với nhạc bốn mùa của phương Tây: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Và trong mỗi bản nhạc của bốn giai điệu trên còn chia ra thành nhiều tiểu bản nhỏ. Cụ thể như:

SOM PÔÔNG được chia thành Som Pông Phon.

LÔÔM được chia thành Lôôm Tâng, Lôôm Thu, Lôôm Chum Hiêng .

PHÁT CHEAI được chia thành Phát cheai clai.

NÔKÔR REACH được chia thành Nôkôr Reach clai, Nôkôr Reach Chong Pây.

Qua tư liệu tổng kết của Trường Đại học Văn hóa - Nghệ thuật Hoàng gia Campuchia và qua công tác nghiên cứu thực tế cho thấy: Bài bản sử dụng trong nghệ thuật sân khấu Dù kê gồm có tất cả 169 bài. Được chia ra thành bốn nhóm như sau:

Nhóm 1: Bài ca Dù kê chính thống: 37 bài.

Nhóm 2: Bài ca Dù kê có gốc từ nhạc Mah Hô Ry, Lào, Thái Lan, Myamar: 94 bài.

Nhóm 3: Bài ca Dù kê có gốc từ Quãng, Triều (Trung Quốc): 22 bài.

Nhóm 4: Bài ca Dù kê có gốc từ Pháp, Anh: 16 bài.

1.4. Về nhạc cụ

Nhạc cụ sử dụng trong nghệ thuật sân khấu Dù kê được chia ra thành hai nhóm là: nhóm nhạc gõ, nhóm nhạc dây và thổi. Theo ông Săng Sa Run, sinh năm 1922, quê ở xã Ô Mlu, Huyện Stung Trong, Campuchia, là nghệ sĩ nổi tiếng nhất về sân khấu Ba sắc (Dù kê) phát biểu vào năm 1964: nhóm nhạc gõ của hí kịch Trung Quốc có tên gọi là “*Shing, Pô, Lô, Kea*”. Về phần nhóm nhạc gõ trong ca kịch Ba Sắc (tức Dù kê) thì gọi là “*Chhing, Pô, Lô, Kea*”. Ở đây *Shing* hoặc *Chhing*

là tên gọi của *Phèng la*, *Pô* là tên gọi của cái *Mô* hoặc cặp *song loan*, *Lô* là tên gọi của cái *Chiêng*, *Kea* là tên gọi của *cồng* (đực, cái).

Trong nhóm nhạc gõ gồm có: một cái trống lớn, một cái trống nhỏ, một phèng la, một cái mô hoặc cặp song loan, một cái chiêng, hai cái cồng đực, hai cái cồng cái.

Trong nhóm nhạc dây và thổi gồm có: một cây đàn gáo, một cây đàn Trô Chhe (nhị), một cây sáo trúc và có bổ sung thêm một loại nhạc cụ của Trung Quốc được cải biên bao gồm một cây đàn khum lớn và một cây đàn khum nhỏ (đàn tam thập lục). Ngoài ra, còn đưa các loại nhạc cụ phương Tây vào như: Kèn Clarinet, Trumpet, đàn Guitar, đàn Violon, Acordéon, Organ, trống Jazz... phục vụ cho hát và múa.

Đặc biệt, nhóm nhạc gõ chiếm một phần rất quan trọng mang tính hấp dẫn trong vở diễn, để gây sinh khí, tạo các giai điệu cho lớp võ thuật, vũ đạo và mỗi lớp ra, vào đều có nhịp điệu trống-chiêng. Đó chính là *linh hồn* của nghệ thuật sân khấu ca kịch Dù kê, tạo được sự chú ý và cuốn hút khán giả đến xem ngày càng đông vui hơn.

1.5. Về vũ đạo

Về vũ đạo gồm có 13 bài vũ đạo, được chia ra như sau:

- Nhân vật chính diện: 10 bài.
- Nhân vật phản diện (Chằn, vai nịnh): hai bài.
- Nhân vật vai thú dữ: một bài.

Về võ thuật gồm sáu môn: Dao găm, mã tấu, gươm, giáo, gậy và tay không.

1.6. Về diễn xuất

Cũng như nghệ thuật sân khấu Cải lương, nghệ thuật sân khấu Dù kê là sân khấu đồng cảm, cũng ca ra bộ, đây là yếu tố rất quan trọng trong diễn xuất. Đặc biệt là trong ca ra bộ có pha múa nên động tác của nghệ thuật sân khấu Dù kê mềm mại, uyển chuyển; nhưng đến khi giao đấu thì dùng võ thuật tạo được cảnh sinh động, kết hợp với nghệ thuật xiếc đu bay giao chiến trên không rất hấp dẫn và một điều rất quan trọng không thể thiếu được trong vở diễn nghệ thuật sân khấu ca kịch Dù kê đó là vai Hề; vì vai Hề này có khả năng dẫn chuyện bằng cả tiếng Khmer, tiếng Việt và tiếng Hoa nên cuốn hút được đông đảo người xem. Lúc đầu chỉ trình diễn ở vùng Trà Vinh và Sóc Trăng, nhưng sau đó đi lưu diễn khắp cả các tỉnh Nam Bộ, ngay

cả Sài Gòn, Chợ Lớn và cả thủ đô Phnôm Pênh – Campuchia nữa ⁽⁶⁾.

Khi đất nước bị chiến tranh Mỹ xâm lược, nhiều đoàn Dù kê bị tan rã, một số nghệ nhân trở về quê xưa, chôn cũ tiếp tục lao động sản xuất và hoạt động văn nghệ nghiệp dư. Còn một số nghệ sĩ, đào kép có tên tuổi khác thì kéo nhau chạy sang Thủ đô Phnôm Pênh (lúc đó không có chiến tranh) thành lập đoàn Dù kê mới để tiếp tục hoạt động, góp phần truyền bá một nền nghệ thuật sân khấu mới cho đất nước Campuchia. Đến đây, nghệ thuật sân khấu Dù kê được khán giả Campuchia rất ưa thích, mến mộ và đặt lại tên mới từ “**Dù Kê**” trở thành “**LkhônBa Săc**” (លក្ខណៈបាសាក់) tức sân khấu kịch hát được sinh ra và trưởng thành từ vùng sông Ba Săc (sông Hậu) để làm kỷ niệm. Cũng như nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ, nghệ thuật sân khấu “**Lkhôn Ba Săc**” ở Campuchia cũng được trình diễn bằng tiếng Khmer với vở kịch diễn cương theo cốt truyện giả sử, truyện dân gian, truyền thuyết Chea Đóc (tích Phật)... Thời gian biểu diễn kéo dài lê thê từ tối đến sáng.

+ Hiện nay:

- Về đề tài cổ: so với sân khấu Rô băm thì diễn viên ở sân khấu Dù kê diễn xuất tự nhiên hơn, tươi trẻ và hấp dẫn hơn.

- Về đề tài hiện đại: diễn viên ở sân khấu Dù kê diễn xuất gần giống như kịch nói, nhưng động tác uyển chuyển theo lời ca mềm mại hơn.

- Thời gian biểu diễn: từ 2 tiếng cho đến 2 tiếng rưỡi.

1.7. Về cách hoá trang, phục trang và trang trí

Về cách hoá trang: các diễn viên ở nghệ thuật sân khấu Dù kê hóa trang (vẽ mặt) tùy theo tính cách, tuổi tác của từng nhân vật.

Về phục trang: vì diễn các loại tuồng cổ nên phục trang của nghệ thuật sân khấu Dù kê được sao chép từ nghệ thuật sân khấu Rô băm, nhưng có cải tiến và lộng lẫy hơn. Đặc biệt là vai vua, hoàng tử (vai chính diện) mả được thay bằng vương miện có gắn thêm Lông ma (lông cò) và khăn choàng phía sau. Vai Chăn (vai phản diện) khuôn mặt được hóa trang vẽ hình con bướm, vương miện, trang phục, hia và khăn choàng được ăn mặc theo Hí kịch của Trung Quốc.

Về trang trí: cách trang trí sân khấu của nghệ thuật sân khấu ca kịch Dù kê giống như sân khấu Cải lương từ kỹ thuật, xảo thuật đến cả thiết kế âm thanh, ánh sáng...

Mục đích bầu chủ của các đoàn Dù kê cũ như Tự Lập Ban của Chha Kôn, Tự Lập Thành của Tà Tea, Nhựt Nguyệt Quang của Cru Cru... cũng như các đoàn Lkhôn Ba săc khác ở Campuchia là kinh doanh để thu lợi nhuận.

2. Sự phát triển

Đến năm 1963, khi Đoàn văn công Ánh Bình Minh được thành lập trong vùng giải phóng - thời kỳ kháng chiến, chống Mỹ cứu nước thì nghệ thuật sân khấu Dù kê cách mạng (mới) đã đưa vào nghệ thuật sân khấu Dù kê (cũ) những đề tài hiện đại, nhằm phục vụ công chúng rộng rãi, chuyển mình từ “*nghệ thuật vị nghệ thuật*” trở thành “*nghệ thuật vị nhân sinh*”.

2.1. Phục vụ trên đất nước Việt Nam

Vở diễn đề tài đấu tranh chống Mỹ cứu nước đầu tiên của Đoàn văn công Ánh Bình Minh là vở “**Nghĩa tình trong giông tố**” của tác giả **Hai Ôm** được chuyển thể và dịch sang tiếng Khmer từ kịch bản Cải lương, sau đó là vở diễn “**Nguyễn Văn Trỗi**” và viết trực tiếp bằng tiếng Khmer là vở diễn “**Giữ đền Cô Hia**” của tác giả Thạch Chân.

Trong quá trình phục vụ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đoàn văn công Ánh Bình Minh ra sức phục vụ đồng bào, cán bộ chiến sĩ khắp cả vùng nông thôn giải phóng, vùng tạm chiếm và ngoài mặt trận còn loan máu tươi như ở Vàm Đình, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè. Biểu diễn cạnh đồn bót kêu gọi được hàng loạt binh lính nguy trở về với chính quyền cách mạng như ở: Te Te, Hùng Hoà, huyện Tiểu Cần; Gò Cà, Nhị Long, huyện Càng Long; Ô Mịch, Châu Điện, huyện Cầu Kè⁷; lập nhiều chiến công to lớn, cùng góp phần cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đoàn văn công Ánh Bình Minh luôn tồn tại và vẫn tiếp tục phát triển.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Đoàn Văn công Ánh Bình Minh được đổi tên thành Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh vẫn tiếp tục duy trì và phát triển nghệ thuật sân khấu Dù kê song song cùng 2 loại đề tài cổ tích và

⁶ Đoàn Dù kê Tự Lập Ban của xã Kôn sang biểu diễn tại Thủ đô Phnôm Pênh CPC 1927.

⁷ Báo cáo Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh 37 năm (1963-2000) hình thành, tồn tại và phát triển ở trang 1 và 2.

hiện đại. Năm 1985, tham dự Hội diễn nghệ thuật sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc tại Quy Nhơn, tỉnh Nghĩa Bình (nay là Bình Định) với vở ca kịch Dù kê “**Mối Tình Bôpha - Rạng xây**” - ca ngợi tình đoàn kết hữu nghị giữa hai nước Việt Nam – Campuchia cùng chung một chiến hào, cùng chung một mặt trận, sống chết có nhau, siết chặt tay nhau cùng tiến lên tiêu diệt bọn diệt chủng Pôn Pôt- Iêng Xary, giành chiến thắng, giải phóng đất nước Campuchia, đem lại cảnh thanh bình cho nhân dân xứ sở Chùa Tháp thoát khỏi nạn diệt chủng. Với vở diễn này, Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh đoạt Huy chương Vàng. Điều đặc biệt từ vở diễn tham dự Hội diễn này; nghệ thuật sân khấu Dù kê của dân tộc Khmer Nam Bộ đã được Bộ Văn hóa-Thông tin công nhận “Nghệ thuật sân khấu Dù kê là loại hình kịch hát dân tộc nằm trong hệ thống sân khấu truyền thống Việt Nam”.

Nghệ thuật sân khấu Dù kê là loại hình nghệ thuật kịch hát độc đáo của cộng đồng người Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (sông Ba Sắc) mà người Campuchia gọi là “LKHÔN BASÁC” có nghĩa là kịch hát ở vùng sông Ba Sắc (sông Hậu). Đây là kết quả của sự giao thoa văn hóa giữa người Khmer, người Kinh và người Hoa đã tạo điều kiện cho nghệ thuật sân khấu Dù kê có sự du nhập các làn điệu dân ca của người Hoa, xảo thuật thiết kế sân khấu từ sân khấu Cải lương của người Kinh. Chính sự tổng hợp có chọn lọc này đã tạo cho nghệ thuật sân khấu Dù kê ngày càng có sức trẻ trung và càng thu hút được đông đảo khán giả Khmer, cũng như khán giả Kinh và Hoa cùng thưởng thức.

Hiện nay, ở Nam Bộ có bốn đoàn nghệ thuật Khmer chuyên nghiệp của bốn tỉnh như: Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh, Đoàn nghệ thuật Khmer tỉnh Sóc Trăng, Đoàn nghệ thuật Khmer tỉnh Kiên Giang, Đoàn nghệ thuật tổng hợp Khmer tỉnh Bạc Liêu, nhiều đội thông tin lưu động Khmer và Đoàn nghệ thuật Dù kê, Dù kê quần chúng khác. Hằng năm, các đoàn nghệ thuật Khmer đều có chương trình hoạt động riêng của mình để đi phục vụ quần chúng vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và giao lưu văn hoá với các tỉnh thành trong cả nước. Riêng Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh, ngoài việc phục vụ nhân dân trong tỉnh, còn đi biểu diễn giao lưu với các tỉnh, thành như sau:

+ Ở miền Bắc gồm: Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Hoà Bình, Hưng Yên, Hải Dương và thành phố Hải Phòng.

+ Ở miền Trung gồm các tỉnh: Bình Định, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận.

+ Ở miền Nam gồm: thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ; các tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Lâm Đồng, Biên Hoà, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang và An Giang.

Ngoài ra, các đoàn nghệ thuật Khmer còn biểu diễn phục vụ cho hội nghị, hội thảo, lễ hội, đại hội ở địa phương và trung ương; phục vụ khách du lịch và đoàn khách quốc tế, trong đó có phái đoàn của Hội đồng Bảo vệ Hoà bình Thế giới.

2.2. Phục vụ ở đất nước bạn Campuchia

Trong những chuyên công tác sang biểu diễn phục vụ nhân dân và trao đổi nghệ thuật sân khấu Dù kê với nước bạn Campuchia từ năm 1979 đến năm 1990⁸. Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh, Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh Sóc Trăng, Đoàn Nghệ thuật Khmer Samaky tỉnh Minh Hải (cũ), đoàn nghệ thuật Khmer tỉnh Kiên Giang cùng với các vở diễn ca kịch Dù kê mang đề tài cổ như: Sôvan-Phola, Vi sut thi Vông, Neang Kong Rây, Ak khah ra cheai Sbay, Công chúa thành Bát Đa... và các vở Dù kê mang đề tài hiện đại như: Ai biến con tôi thành quỷ dữ? Nắng trên chùa Tháp, Mối tình Bô Pha-Rạng Xây, Bông Hồng Trà Vinh... đã biểu diễn tại một số tỉnh như: Tà Keo, Xoài Riêng, Kan Đal, Com pông Spur, Com pông Chhnăng, Koh Công, Com Pốt... và ngay tại thủ đô Phnôm Pênh. Đoàn Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh đã đi vào vùng đang tranh chấp còn loan máu tươi như: Prây Bai, Kih Ry Vông, Ăng Ta Sôm... thuộc tỉnh Tà Keo. Công pih Sây, Bo Sét, U Đông... thuộc tỉnh Com pông Spur. Trong suốt quá trình biểu diễn, Đoàn Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh phải đi biểu diễn phục vụ cả ban ngày lẫn ban đêm để góp phần ổn định quần chúng và kêu gọi đám tàn quân diệt chủng Pôn Pôt-Iêng Xary quay về với chính quyền nhân dân. Có hai vụ bọn tàn quân tổ chức mang vũ khí đến đánh phá đoàn Ánh Bình Minh, nhưng khi thấy đoàn ta biểu diễn vở Dù kê hay với nội dung giáo dục tốt, khiến bọn

⁸ Trong chiến dịch giải phóng Campuchia khỏi nạn diệt chủng Pôn Pôt-Iêng Xary.

chúng tự xúc động, xin dầu thú và giao nộp vũ khí tại trên sân khấu như: Kih Ry Vông thuộc tỉnh Tà Keo và Bo Sét thuộc tỉnh Com pông Spur. Điều đó chứng tỏ rằng sân khấu Dù kê có tác động lớn đối với kẻ thù, là vũ khí sắc bén của cách mạng khiến kẻ thù phải khiếp sợ. Đối với những ai đã lầm đường, lạc lối giúp phân biệt được ai bạn, ai thù, rồi thức tỉnh mà quay về với Tổ quốc thân yêu của mình. Điều đó đúng như lời nói của Bác Hồ đã dạy “*Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy*”⁹. Với sự kiện này làm cho ông Chhêng Phun – Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin lúc bấy giờ phải ngạc nhiên và thán phục:

“Xưa nay, ở đất nước Campuchia chúng tôi chưa từng dàn dựng được vở diễn Lkhôn Ba Sác (Dù kê) mang đề tài hiện đại như các bạn. Do đó chúng tôi cần phải học hỏi nghệ thuật sân khấu Lkhôn Ba Sác từ các bạn thêm nhiều hơn nữa, để cùng xây dựng các vở diễn mang đề tài hiện đại, nhằm phục vụ đáp ứng đúng theo tình hình mới, nhiệm vụ mới của đất nước”.

Dù kê là một loại hình nghệ thuật sân khấu kịch hát *đồng cảm* của dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long hay còn gọi là vùng sông Ba Sác, nghệ thuật sân khấu Dù kê này hình thành và phát triển theo nhịp sống của xã hội, có lai lịch cụ thể, đây là một loại hình nghệ thuật sân khấu mới, rất độc đáo đã và đang được chú ý quan tâm và càng ngày càng được phát triển. Dù kê có sức sống mãnh liệt, có đầy đủ khả năng để giải quyết mọi vấn đề cả về mặt thẩm mỹ, cả về mặt chính trị, đáp ứng đúng theo sự yêu cầu thưởng thức nghệ thuật của mọi tầng lớp khán giả trong quá khứ, hiện tại cũng như trong tương lai lâu dài.

3. Đề xuất và kiến nghị

Dù kê là một loại hình nghệ thuật sân khấu kịch hát có đầy đủ truyện kịch, tính kịch, vũ đạo, võ thuật đúng theo mọi tình huống kịch. Dù kê có đất dựng vở, có sân khấu để đào tạo diễn viên, có nghệ nhân, nghệ sĩ giảng dạy về kỹ thuật biểu diễn để phục vụ công chúng thưởng thức. Hình thức và nội dung của nghệ thuật sân khấu Dù kê này đã xuất thân từ mảnh đất Nam Bộ thân yêu của chúng ta hoà nhập vào đất nước Campuchia từ năm 1927, góp phần làm giàu đẹp thêm nền văn

hoá nghệ thuật cho đất nước chùa Tháp ngày càng thêm phong phú hơn và được các giới yêu mến nghệ thuật Dù kê của đất nước bạn đón nhận loại hình nghệ thuật kịch hát Dù kê mới mẻ này vào đất nước của mình và đặt lại tên mới gọi là “Lkhôn Ba Sác” tức ca kịch vùng sông Ba Sác để làm kỷ niệm. Ngược lại, nếu một ai đó không thừa nhận nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù kê ấy, có nghĩa là phủ nhận mọi tầng lớp khán giả đã và đang mến mộ loại hình nghệ thuật sân khấu này.

Với những kết quả to lớn mà các đoàn nghệ thuật Khmer đã giành được như trên chính là được sự quan tâm, chỉ đạo đúng đắn về chủ trương đường lối văn nghệ của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh, trực tiếp là Sở Văn hoá - Thể thao - Du lịch các tỉnh, cùng với sự yêu thích nghệ thuật cách mạng, yêu thích nghệ thuật dân tộc Khmer của tất cả anh, chị, em nghệ nhân, nghệ sĩ và diễn viên từ trong công tác thực tiễn, cùng với năng khiếu của mỗi cá nhân đã xây dựng nên và đã giành được mọi sự thắng lợi thật đáng biểu dương.

Trong thời đại khoa học kỹ thuật công nghiệp hoá – hiện đại hoá ngày nay, làm theo vốn sống bằng phương pháp kinh nghiệm không thì chưa đủ, cần phải có phương pháp khoa học kỹ thuật để khai thác mới đáp ứng kịp thời, đúng theo nhịp sống của con người hiện đại.

Ở trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, tuy chúng ta có rất nhiều tài nguyên thiên nhiên, nhưng nếu chúng ta thiếu tính khoa học, không có cán bộ chuyên môn dùng phương pháp khoa học kỹ thuật để khai thác tài nguyên phong phú đó, thì chúng ta ắt hẳn sẽ bị giới hạn tại một thời điểm nào đó và biết đến bao giờ chúng ta sẽ tiến tới mục đích được? Trong lĩnh vực văn hoá – nghệ thuật cũng thế, tuy dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có rất nhiều loại hình nghệ thuật sân khấu biểu diễn, nhất là nghệ thuật sân khấu Dù kê, nhưng lại thiếu tính khoa học, thiếu cán bộ chuyên môn thì chắc chắn nghệ thuật sân khấu Dù kê ấy rất khó phát triển một cách đúng đắn theo nguyện vọng được.

Nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù kê là một loại hình nghệ thuật biểu diễn tổng hợp của dân tộc Khmer Nam Bộ. Nguyện vọng của những người làm nghệ thuật sân khấu Dù kê là dựa theo quan điểm mỹ học Mác-xít, cố gắng phấn đấu đưa nghệ

⁹ 105 lời nói của Bác Hồ, T.73, NXB Văn hoá Thông tin 1997

thuật sân khấu Dù kê của dân tộc Khmer tiến lên “*Nghệ thuật sân khấu Dù kê hiện thực xã hội chủ nghĩa*”. Vấn đề này mới chỉ là bước đầu, nên đòi hỏi cần phải có sự trao đổi cả về mặt lý luận lẫn cách thể nghiệm và học thuật thêm nhiều hơn nữa. Để thực hiện được những vấn đề này, nghệ thuật sân khấu Khmer Nam Bộ phải có tính khoa học để đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân, góp phần bồi dưỡng nhân cách và tâm hồn của người Việt Nam, nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, có nghĩa là: cần phải có đầy đủ cán bộ chuyên môn của từng bộ phận, bộ môn. Do đó, chúng tôi có vài ý kiến đề xuất và kiến nghị đến Hội đồng Dân tộc Quốc hội, Ủy ban Dân tộc, Ban Văn hoá Tư tưởng Trung ương, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Văn học - Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam, Cục Nghệ thuật Biểu diễn, Bộ Văn hoá – Thể thao – Du lịch và Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ như sau:

Cần đào tạo đội ngũ cán bộ nghệ thuật sân khấu chuyên môn như: Lý luận phê bình sân khấu, đạo diễn, nhạc sĩ, hoạ sĩ, biên đạo múa... là người dân tộc Khmer để nghiên cứu, sưu tầm, dàn dựng,

trang trí mỹ thuật, ghi chép đưa vào học thuật tất cả các bài bản về âm nhạc, ca, múa và nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ.

Cần thành lập một nhà hát nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long để khai thác, giảng dạy và đào tạo diễn viên người dân tộc Khmer, nhằm bổ sung diễn viên cho các đoàn nghệ thuật Khmer Nam Bộ, để phục vụ công chúng và khách du lịch.

Cần thành lập Hội Văn học – Nghệ thuật Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long để sưu tầm, nghiên cứu, sáng tác, in ấn xuất bản phát hành rộng rãi, kiểm tra và quản lý các loại văn hoá phẩm này.

4. Kết luận

Qua việc sưu tầm, nghiên cứu, học thuật, những đề xuất và kiến nghị trên đây, chúng tôi tin chắc rằng nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ sẽ được Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ chú ý, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ để nghệ thuật sân khấu Dù kê này đạt đến nguyện vọng như trên, để cùng góp thêm những đóa hoa tươi thắm đầy hương sắc của mình vào vườn hoa nghệ thuật của đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Hội Nhà văn. 1985. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*. NXB Tác Phẩm Mới. Hà Nội.
- Báo cáo của Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh*. Kỷ niệm 37 năm (1963-2000) thành lập, tồn tại và phát triển.
- Sỹ Tiến. 1984. *Bước đầu tìm hiểu sân khấu Cải lương*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. 2006. *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*. NXB Thế Giới. Hà Nội.
- Khu di tích phủ chủ tịch. 1997. 105 lời nói của Bác Hồ. NXB Văn hoá - Thông tin
- Trần Văn Phác. 1985. *Mấy vấn đề cấp bách về công tác Văn Hoá-Nghệ thuật*. NXB Văn hoá.
- Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chí, Hoàng Túc, Đặng Vũ Thị Thảo, Phan Thị Yến Tuyết. 1987. *Người Khmer tỉnh Cửu Long*. Sở Văn hoá - Thông tin Cửu Long xuất bản.
- Hoàng Như Mai. 1986. *Sân khấu Cải lương*. NXB Tổng hợp Đồng Tháp.
- Thạch Sết (Sang Sết). 2004. Đề án thành lập trường Cao đẳng văn hoá - nghệ thuật Khmer Nam Bộ.
- Luận văn tốt nghiệp Chuyên viên cao cấp.
- Nhiều tác giả. 1988. *Tìm hiểu vốn văn hoá dân tộc Khmer Nam Bộ*. NXB Tổng hợp Hậu Giang
- Nguyễn Đình Phúc. 1981. *Vài nét về văn nghệ truyền thống Campuchia*. NXB Khoa học Xã hội.
- Vũ Tuyết Loan. 1986. *Tuyển tập văn học Campuchia*. NXB Văn học. Hà Nội.
- Đặng Vũ Thị Thảo. 1993. *Lễ hội của người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Về văn hoá của đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long)*. NXB Văn hóa dân tộc. Hà Nội
- Nhiều tác giả. 1998. *Về sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ*. Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Sóc Trăng. *Vòng Phlêng Khmer*. NXB Bộ Văn hoá - Nghệ thuật Campuchia.